

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất mức trần học phí giáo dục đại học công lập

09:01 11/07/2025

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất quy định cụ thể mức trần học phí đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp từ năm 2025 - 2026 trở đi.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Nghị định quy định về cơ chế thu, quản lý **học phí** đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.



Ảnh minh họa, nguồn internet.

Dự thảo nêu rõ, **mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục đại học công lập** chưa tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm học 2025 - 2026 trở đi như sau:

Năm học 2025 - 2026 và năm học 2026 - 2027:

Đơn vị: Nghìn đồng/ sinh viên/tháng

TT	Khối ngành	Năm học 2025 - 2026	Năm học 2026 - 2027
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.590	1.790
2	Khối ngành II: Nghệ thuật	1.520	1.710
3	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.590	1.790
4	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.710	1.930
5	Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.850	2.090
6	Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	2.360	2.660
7	Khối ngành VI.2: Y dược	3.110	3.500
8	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.690	1.910

Từ năm học 2027 - 2028 trở đi, mức trần học phí được điều chỉnh phù hợp với khả năng chi trả của người dân, điều kiện kinh tế xã hội nhưng tối đa không vượt quá tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tại thời điểm xác định mức học phí so với cùng kỳ năm trước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Mức học phí được xác định tối đa bằng 2 lần mức trần học phí của cơ sở chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Mức học phí được xác định tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí của cơ sở chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

Đối với chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học công lập đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tương đương, cơ sở giáo dục đại học căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc định mức chi phí của từng ngành, nghề đào tạo do cơ sở giáo dục ban hành để tự quyết định mức thu học phí; thực hiện công khai với người học, xã hội.

Theo dự thảo, **mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp** tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm học 2025 - 2026 trở đi như sau:

Năm học 2025 - 2026 và năm học 2026 - 2027:

Đơn vị: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2025 - 2026	Năm học 2026 - 2027
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.360	1.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.445	1.700
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	2.040	2.400
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.955	2.300
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.400	1.650
6	Sức khỏe	2.380	2.800
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.700	2.000
8	An ninh, quốc phòng	1.870	2.200

LÀ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN CHO VIỆC CHỌN MỨC TRẦN HỌC PHÍ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

Từ năm học 2027 - 2028 trở đi, **mức trần học phí** được điều chỉnh phù hợp với khả năng chi trả của người dân, điều kiện kinh tế xã hội nhưng tối đa không vượt quá tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tại thời điểm xác định mức học phí so với cùng kỳ năm trước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Mức học phí tối đa không quá 2 lần so với mức học phí của cơ sở chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Được chủ động xây dựng và quyết định mức học phí theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản khác có liên quan.

Đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao và chương trình chuyển giao từ nước ngoài đối với giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc định mức chi phí của từng ngành, nghề đào tạo do cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành để quyết định mức thu học phí cụ thể đối với từng năm học, ngành, nghề đào tạo thuộc thẩm quyền quản lý và thực hiện việc công khai trước khi tuyển sinh.



Ảnh minh họa, nguồn internet.

Đồng thời phải duy trì các chương trình đào tạo tiêu chuẩn trong mức trần học phí nhà nước quy định để thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ công và đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục người học.

Theo dự thảo, **học phí đối với chương trình giáo dục thường xuyên** cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục công lập được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định.

Mức thu học phí là căn cứ để xác định mức hỗ trợ học phí đối với người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và mức ngân sách nhà nước hỗ trợ cấp bù cơ sở giáo dục công lập khi thực hiện chính sách miễn học phí đối với người học chương trình giáo dục phổ thông.

Học phí đối với chương trình xóa mù chữ: cơ sở giáo dục công lập xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc định mức chi phí trình Ủy ban nhân dân để đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét phê duyệt phù hợp với loại hình đào tạo và điều kiện thực tế của từng địa bàn. Kinh phí thực hiện chương trình xóa mù thực hiện theo đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu với cơ sở giáo dục được giao nhiệm vụ xóa mù chữ theo phân cấp quản lý ?hà nước về giáo dục, đào tạo.

PV/moet.gov.vn